

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
**Quý 4 năm 2015**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất chưa được kiểm toán cho kỳ tài chính kết thúc 30/9/2015

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/09/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.39540600
- Fax: (84) 08.39540598
- Website: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)

### Công ty con

- Tên công ty: Công ty CP Sách –TBTH Đồng Nai
- Địa chỉ: 10 Võ Thị Sáu - TP Biên Hòa
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại
- Điện thoại: 061.3846425
- Tỷ lệ sở hữu: 50,84%

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

### ***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên hiện có trong kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### ***Hội đồng quản trị***

- |                            |            |                              |
|----------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh       | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014     |
|                            | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/11/2013     |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn       | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm         | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà      | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014     |

### ***Ban Kiểm soát***

- |                           |            |                              |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương    | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo   | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

### ***Ban Giám đốc và Kế toán trưởng***

- |                            |                |                              |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Cảnh Toàn       | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014     |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt     | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014     |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Sự kiện nổi bật trong năm

Ngày 10 tháng 8 năm 2015 Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh đã mua thành công 925.300 CP (50,84%) cổ phần Công ty CP Sách & TBTH Đồng Nai của Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp. Theo đó, từ ngày 10/8/2015 Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh sẽ chuyển đổi mô hình thành Tổng Công ty (Công ty mẹ).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58,115,254,779</b>	<b>50,823,943,116</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>15,677,593,560</b>	<b>20,864,777,723</b>
1. Tiền	111		3,627,593,560	3,364,777,723
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,050,000,000	17,500,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6,915,539,217</b>	<b>1,745,178,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	2,147,066,380	1,836,812,680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(209,834,720)	(91,634,680)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4,978,307,557	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18,597,042,950</b>	<b>16,816,778,039</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	16,342,404,808	11,877,269,953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2,892,109,559	5,717,824,304
3. Các khoản phải thu khác	136	9a	554,497,185	419,773,914
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1,191,968,602)	(1,198,090,132)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>16,566,641,746</b>	<b>11,296,069,206</b>
1. Hàng tồn kho	141		18,887,093,945	13,547,124,858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,320,452,199)	(2,251,055,652)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>358,437,306</b>	<b>101,140,148</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	79,647,375	3,999,996
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111,339,931	97,140,152
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		167,450,000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>27,113,489,230</b>	<b>20,201,317,322</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>950,000,000</b>	<b>950,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	950,000,000	950,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20,620,876,388</b>	<b>17,944,366,705</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4,131,740,190	1,270,166,435
- Nguyên giá	222		9,242,659,201	2,166,259,390
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,110,919,011)	(896,092,955)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	16,489,136,198	16,674,200,270
- Nguyên giá	228		16,951,669,677	16,906,969,677
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(462,533,479)	(232,769,407)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3,037,559,656</b>	<b>119,941,364</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	3,037,559,656	119,941,364
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>840,000,000</b>	<b>840,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	840,000,000	840,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,665,053,186</b>	<b>347,009,253</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	313,534,133	347,009,253
2. Lợi thế thương mại	269		1,351,519,053	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85,228,744,009</b>	<b>71,025,260,438</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>20,134,535,986</b>	<b>16,516,200,072</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20,134,535,986</b>	<b>16,516,200,072</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	17	13,312,394,725	10,296,062,315
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	66,213,583	245,349,159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	358,149,150	272,485,835
4. Phải trả người lao động	314		2,751,721,622	2,492,676,778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2,940,371,611	3,155,051,967
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	697,850,777	46,739,500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,834,518	7,834,518
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65,094,208,023</b>	<b>54,509,060,366</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>65,094,208,023</b>	<b>54,509,060,366</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	41,370,000,000	41,370,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41,370,000,000	41,370,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,712,000,000	1,712,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2,035,282,090)	(2,035,282,090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	4,894,634,920	4,894,634,920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	9,450,898,956	8,567,707,536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,370,891,730	4,015,236,267
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,080,007,226	4,552,471,269
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9,701,956,237	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>85,228,744,009</b>	<b>71,025,260,438</b>



Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán quý IV năm 2015

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV Năm 2015 VND	Lũy kế Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	17,562,603,220	63,606,392,046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	517,444,736	1,171,124,941
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		17,045,158,484	62,435,267,105
4. Giá vốn hàng bán	11	25	11,902,253,125	49,678,439,109
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<b>5,142,905,359</b>	<b>12,756,827,996</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	357,253,211	504,272,409
7. Chi phí tài chính	22		49,600,040	49,600,040
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		2,388,657,299	4,951,713,449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2,600,354,454	5,187,810,949
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>461,546,777</b>	<b>3,071,975,967</b>
11. Thu nhập khác	31	27	9,233,296	16,556,342
12. Chi phí khác	32	28	272,008	286,913
13. Lợi nhuận khác	40		<b>8,961,288</b>	<b>16,269,429</b>
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	<b>470,508,065</b>	<b>3,088,245,396</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	129,429,023	766,810,074
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	<b>341,079,042</b>	<b>2,321,435,322</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		398,843,268	2,313,374,663
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(57,764,226)	8,060,659
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	88	602



Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán quý IV năm 2015

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.088.245.396	5.939.428.761
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	630.500.805	469.839.022
- Các khoản dự phòng	03	181.475.057	(23.032.136)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(504.272.409)	(851.682.587)
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.395.948.849</b>	<b>5.534.553.060</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.974.855.660)	1.347.313.510
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.339.969.087)	4.009.029.725
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.620.539.414	4.088.167.997
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(42.172.259)	315.955.049
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(310.253.700)	(1.368.452.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(766.810.074)	(1.026.471.138)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(508.404.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.417.572.517)</b>	<b>12.391.691.603</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(435.143.055)	(1.070.428.027)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	236.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(950.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	523.334.909	621.828.420
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>88.191.854</b>	<b>(1.162.599.607)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.857.803.500)	(4.775.044.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.857.803.500)</b>	<b>(4.775.044.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(5.187.184.163)</b>	<b>6.454.047.496</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>20.864.777.723</b>	<b>14.410.730.227</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>15.677.593.560</b>	<b>20.864.777.723</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phạm Cảnh Toàn

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

#### 1.4. Công ty con

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại

Tỷ lệ sở hữu: 50,84%

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán quý IV năm 2015.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu các chứng khoán đó. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

#### *Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác*

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

#### *Dự phòng*

Đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 24
Máy móc thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **4.8 Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### **4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### **4.11 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Hoa hồng môi giới: được xác định theo tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách.
- Chi phí bản thảo, nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách trong Tập đoàn.
- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên giá trị Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **4.14 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

### 4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn được ghi nhận khi Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

### 4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả,...

### 4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
  - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.21 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền mặt	349,490,446	216,270,715
Tiền gửi ngân hàng	3,278,103,114	3,148,507,008
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn ≤ 3 tháng)	12,050,000,000	17,500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>15,677,593,560</b>	<b>20,864,777,723</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2015				Quý IV			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh								
- Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	197,000	1,805,534,680	(209,834,720)	1,595,699,960	197,000	1,805,534,680	(91,634,680)	1,713,900,000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội EID	27,700	341,531,700	-	341,531,700	3,000	31,278,000	-	31,278,000
<b>Cộng</b>		<b>2,147,066,380</b>	<b>(209,834,720)</b>	<b>1,937,231,660</b>		<b>1,836,812,680</b>	<b>(91,634,680)</b>	<b>1,745,178,000</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	31/12/2014
Cty CP VH Đăk Lăk	120,470,727	-
Cty CP Sách TBGD Cửu Long	-	57,302,279
Cty CP Học liệu Emco	145,312,010	
Ban quản lý dự án Huyện Nhơn Trạch	731,623,048	
Các đối tượng khác	15,344,999,023	11,819,967,674
<b>Cộng</b>	<b>16,342,404,808</b>	<b>11,877,269,953</b>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2015	31/12/2014
<b>Bán hàng</b>		
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam		500,000
NXBGD tại TPHCM		-
NXBGD tại TP Cần Thơ		3,737,621
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội		-
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng		-
CTY CP Sách ĐH dạy nghề		-
CTY CP Học liệu (EMCO)	145,312,010	-
CTY CP Sách Dân Tộc		-
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam		-
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng		-
CTY CP ĐT & PT GD Hà Nội		-
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông		-
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	147,141	25,912,341
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định		-
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng		-
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội		-
CTY CP Bàn Đồ & Tranh ảnh GD		-
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ		-
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ		-
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung		-
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long		57,302,279
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc		-
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam		-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1,602,494,682	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	717,396,856	-
Cty CP TM & DV Kỹ thuật Thành Đạt	434,160,968	5,717,824,304
Các đối tượng khác	138,057,053	
<b>Cộng</b>	<b>2,892,109,559</b>	<b>5,717,824,304</b>

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	12,290,781	3,999,996
Chi phí sửa chữa		-
CCDC chờ phân bổ	67,356,594	-
<b>Cộng</b>	<b>79,647,375</b>	<b>3,999,996</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	
Phải thu NXBGD Việt Nam	950,000,000	950,000,000
<b>Cộng</b>	<b>950,000,000</b>	<b>950,000,000</b>

(\*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo HĐ số 005/SGD/2014/ĐTXB ngày 25/08/2014 để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa và sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm.

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	1,191,968,602	1,198,090,132
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,191,968,602</b>	<b>1,198,090,132</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	392,656,806	-	144,241,612	-
Chi phí SX, KD dở dang	2,711,009,855	-	5,015,253,316	-
Thành phẩm	9,256,351,943	2,320,452,199	8,123,088,804	2,251,055,652
Hàng hóa	6,527,075,341		264,541,126	-
<b>Cộng</b>	<b>18,887,093,945</b>	<b>2,320,452,199</b>	<b>13,547,124,858</b>	<b>2,251,055,652</b>

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	12,290,781	3,999,996
Chi phí sửa chữa		-
CCDC chờ phân bổ	67,356,594	-
<b>Cộng</b>	<b>79,647,375</b>	<b>3,999,996</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	13,642,502	20,463,753
Chi phí tổ chức bản thảo	299,891,631	326,545,500
<b>Cộng</b>	<b>313,534,133</b>	<b>347,009,253</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	-	352,634,937	1,813,624,453	-	2,166,259,390
Tăng do hợp nhất	6,110,307,084	33,000,000	854,272,727	78,820,000	7,076,399,811
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý, bán	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6,110,307,084</b>	<b>385,634,937</b>	<b>2,667,897,180</b>	<b>78,820,000</b>	<b>9,242,659,201</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	-	117,544,978	778,547,977	-	896,092,955
Tăng do hợp nhất	3,284,084,464	266,129	499,569,037	21,117,543	3,805,037,172
Khấu hao trong kỳ	69,248,024	63,089,690	272,295,382	5,155,787	409,788,884
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3,353,332,488</b>	<b>180,900,797</b>	<b>1,550,412,396</b>	<b>26,273,330</b>	<b>5,110,919,011</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	-	235,089,959	1,035,076,476	-	1,270,166,435
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2,756,974,596</b>	<b>204,734,140</b>	<b>1,117,484,784</b>	<b>52,546,670</b>	<b>4,131,740,190</b>

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*) VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn (**) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	6,468,156,872	10,438,812,805	-	16,906,969,677
Tăng do hợp nhất	-	-	44,700,000	44,700,000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6,468,156,872</b>	<b>10,438,812,805</b>	<b>44,700,000</b>	<b>16,951,669,677</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	-	232,769,407	-	232,769,407
Tăng do hợp nhất	-	-	9,052,151	9,052,151
Tăng trong kỳ	-	214,864,068	5,847,853	220,711,921
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>447,633,475</b>	<b>14,900,004</b>	<b>462,533,479</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	6,468,156,872	10,206,043,398	-	16,674,200,270
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6,468,156,872</b>	<b>9,991,179,330</b>	<b>29,799,996</b>	<b>16,489,136,198</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

(\*\*) Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng dự kiến: xây dựng kho chứa sách và thiết bị trường học.

### **15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	3,037,559,656	119,941,364
<b>Cộng</b>	<b>3,037,559,656</b>	<b>119,941,364</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	31/12/2015			31/12/2014				
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng Đang hoạt động	6.02%	6.02%	840,000,000	-		840,000,000	-	
<b>Cộng</b>			<b>840,000,000</b>	<b>-</b>		<b>840,000,000</b>	<b>-</b>	



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	164,781,225	2,992,980,667
Cty TNHH Đông Tân	168,955,800	1,102,904,623
Cty TNHH SX-KD TBGD Thành Kiên	413,274,000	
NS Hồng Ân	210,473,200	
Các đối tượng khác	12,354,910,500	6,200,177,025
<b>Cộng</b>	<b>13,312,394,725</b>	<b>10,296,062,315</b>

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

<b>Công ty liên quan</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
<b>Mua hàng</b>		
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	-	-
NXBGD tại TPHCM	122,166,830	50,727,500
NXBGD tại TP Cần Thơ	-	-
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	963,131,829	363,582,604
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	375,025,133	346,198,863
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	228,106,170	272,018,060
CTY CP Học liệu (EMCO)		24,995,920
CTY CP Sách Dân Tộc	412,474,453	129,916,053
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam		-
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng	137,167,072	106,146,982
CTY CP ĐT & PT GD Hà Nội	499,556,663	208,990,287
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	15,095,872	64,410,263
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD		-
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	368,811,644	146,163,958
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng		63,088,000
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	1,348,393,359	1,102,904,623
CTY CP Bàn Đồ & Tranh ảnh GD	59,548,075	78,109,760
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	6,101,022	-
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ		-
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung		21,968,333
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long		-
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	271,539,290	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	106,562,867	-

### 18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Cty TNHH MTV Châu Mai	1,560,000	
NS Danh Nguyên	4,020,600	
Công ty CP Công Nghệ Giáo Dục 3A	12,918,850	80,255,566
Các đối tượng khác	47,714,133	165,093,593
<b>Cộng</b>	<b>66,213,583</b>	<b>245,349,159</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	63,679,751	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	153,255,783	164,581,690
Thuế thu nhập cá nhân	141,213,616	107,904,145
<b>Cộng</b>	<b>358,149,150</b>	<b>272,485,835</b>

### 20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí hoa hồng môi giới	739,415,860	2,828,506,467
Chiết khấu thương mại	56,738,803	-
Chi phí phải trả khác	4,422,000	-
<b>Cộng</b>	<b>2,940,371,611</b>	<b>3,155,051,967</b>

### 21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	31/12/2014
Tài sản thừa chờ giải quyết	21,547,621	-
Kinh phí công đoàn	3,680,130	-
Bảo hiểm xã hội, BH Y tế, BHYTN	74,269,526	-
Cổ tức phải trả	-	2,203,500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	598,353,500	44,536,000
<b>Cộng</b>	<b>697,850,777</b>	<b>46,739,500</b>

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư ngày 01/01/2014	41,370,000,000	1,712,000,000	(2,035,282,090)	4,380,081,485	9,341,829,499
Tăng trong năm	-	-	-	514,553,435	4,552,471,269
Giảm trong năm	-	-	-	-	5,326,593,232
<b>Số dư ngày 31/12/2014</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>1,712,000,000</b>	<b>(2,035,282,090)</b>	<b>4,894,634,920</b>	<b>8,567,707,536</b>
Số dư ngày 01/01/2015	41,370,000,000	1,712,000,000	(2,035,282,090)	4,894,634,920	8,567,707,536
Tăng trong năm	-	-	-	-	3,857,617,229
Giảm trong năm	-	-	-	-	3,855,600,000
<b>Số dư ngày 31/12/2015</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>1,712,000,000</b>	<b>(2,035,282,090)</b>	<b>4,894,634,920</b>	<b>8,569,724,765</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV		
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6,320,000,000	6,320,000,000
Vốn góp của các cổ đông khác	32,236,000,000	32,236,000,000
Cổ phiếu quỹ	2,814,000,000	2,814,000,000
<b>Cộng</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>41,370,000,000</b>

### c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,137,000	4,137,000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4,137,000	4,137,000
- Cổ phiếu phổ thông	4,137,000	4,137,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	281,400	281,400
- Cổ phiếu phổ thông	281,400	281,400
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,855,600	3,855,600
- Cổ phiếu phổ thông	3,855,600	3,855,600
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2015	31/12/2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	8,567,707,536	9,341,829,499
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,857,617,229	4,552,471,269
Phân phối lợi nhuận	3,855,600,000	5,326,593,232
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	3,855,600,000	5,326,593,232
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	514,553,435
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	185,319,797
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3,855,600,000	4,626,720,000
	<b>8,569,724,765</b>	<b>8,567,707,536</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa, tham khảo	17,318,667,649	16,199,188,428
Doanh thu khác	243,935,571	121,661,520
	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	517,444,736	186,560,077
<b>Cộng</b>	<b>17,045,158,484</b>	<b>16,134,289,871</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Hàng bán trả lại	517,444,736	186,560,077
<b>Cộng</b>	<b>517,444,736</b>	<b>186,560,077</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa, tham khảo	11,772,263,578	11,696,742,021
Giá vốn khác	129,989,547	108,442,734
<b>Cộng</b>	<b>11,902,253,125</b>	<b>11,805,184,755</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	357,253,211	191,514,248
<b>Cộng</b>	<b>357,253,211</b>	<b>191,514,248</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 27. Thu nhập khác

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Thu nhập từ thanh lý CCDC	9,036,692	-
Thu nhập khác	196,604	394,419
<b>Cộng</b>	<b>9,233,296</b>	<b>394,419</b>

### 28. Chi phí khác

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Chi phí khác	272,008	426,442
<b>Cộng</b>	<b>272,008</b>	<b>426,442</b>

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	470,508,065	664,347,248
Tổng thu nhập chịu thuế	470,508,065	664,347,248
- Thu nhập của hoạt động SXKD chính	588,012,134	664,347,248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	129,429,023	146,156,395
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	129,429,023	146,156,395
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	129,429,023	
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>341,079,042</b>	<b>518,190,853</b>

### 30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV Năm 2015	Quý IV Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	341,079,042	518,190,853
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán	-	-
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	341,079,042	518,190,853
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3,855,600	3,855,600
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>88</b>	<b>134</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 31. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
CTy CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
CTY CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
CTy CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
<b>Bán hàng</b>		
CN Tại TPHCM CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Cung ứng sách tham khảo	-
CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Cung ứng sách tham khảo	-
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	15,339,820
CTY CP DV Xuất Bản GD Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	38,700,000
CTY CP DV Xuất bản GD Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	-
CTY CP Học Liệu	Cung ứng sách tham khảo	150,226,160
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.Cần Thơ	Cung ứng sách tham khảo	-
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	18,500,000
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách tham khảo	8,775,700
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách tham khảo	140,922,524
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách tham khảo	72,152,420
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	35,665,500
CTY CP Sách Giáo Dục tại TP.Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	151,614,454
CTY CP Sách Dịch và Từ Điển Giáo Dục	Cung ứng sách tham khảo	-
CTY CP Sách Giáo Dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	555,459,290
<b>Mua hàng</b>		
CTY CP Bản Đồ & Tranh ảnh GD	Nhập sách tham thảo	87,278,240
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	Nhập sách tham thảo	20,973,596
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Nhập sách tham thảo	-
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ	Nhập sách tham thảo	9,762,500
CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Nhập sách tham thảo	131,618,720
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	26,820,600
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham thảo	136,894,430
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách tham thảo	387,496,973
CTY CP Đầu tư và Xuất Bản GD Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	36,097,000
CTY CP Dịch Vụ Xuất Bản GD Gia Định	Nhập sách tham thảo	83,465,186
CTY CP Dịch Vụ Xuất Bản GD Hà Nội	Tiền bán thảo	276,210,000
CTY CP Học Liệu	Nhập sách tham thảo	6,916,000
CTY CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	Nhập sách tham thảo	47,082,106
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.Cần Thơ	Nhập sách tham thảo	-
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.HCM	Tiền vật tư, giấy, phí QLXB	26,490,000
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	26,250,000
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Tiền vật tư, giấy	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Nhập sách tham thảo	160,357,410
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách tham thảo, giáo khoa	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách tham thảo, giáo khoa	239,836,523
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Nhập sách tham thảo	5,226,700
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	115,146,740
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách tham thảo	1,777,264,640
CTY CP Sách Dân Tộc	Nhập sách tham thảo	685,157,080

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. Số liệu so sánh**

Không có số liệu vì đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai